ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1290 /QĐ-UBND	*Bắc Giang, ngày 27 tháng 6 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Chương trình Khuyến nông tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về Khuyến nông;

Căn cứ Thông tư số 75/2019/TT-BTC ngày 04/11/2019 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động khuyến nông;

Căn cứ Quyết định số 1360/QĐ–BNN-KHCN ngày 24/4/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt Chương trình Khuyến nông Trung ương giai đoạn 2020 -2025;

Căn cứ Nghị Quyết số 401-NQ/TU ngày 03/4/2019 của BTV Tỉnh ủy về Chiến lược phát triển NN tỉnh Bắc Giang đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2035;

Căn cứ Nghị quyết số 44/2020/ NQ-HĐND Ngày 09/12/ 2020 của HĐND tỉnh Bắc Giang Ban hành chính sách hỗ trợ liên kết và tiêu thụ sản phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 45/2020/ NQ-HĐND Ngày 09/12/ 2020 của HĐND tỉnh Bắc Giang Ban hành quy định nội dung chi và mức chi hỗ trợ cho hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 1122/QĐ-UBND ngày 04/12/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt các ngành hàng, sản phẩm quan trọng cần khuyến khích và ưu tiên hỗ trợ thực hiện liên kết gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 78/TTr-SNN ngày 12/5/2021; Báo cáo số 150/BC-HĐTĐ ngày 25/6/2021 của Hội đồng thẩm định Chương trình Khuyến nông tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021 - 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chương trình Khuyến nông tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021 - 2025 *(Có Chương trình chi tiết kèm theo)*.

Điều 2. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Khoa học và Công nghệ, Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Chủ tịch UBND tỉnh
- Các PCT UBND tỉnh;
- Trung tâm Khuyến nông tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh:
  + LĐVP, TH, KT, KTN, CTTĐT, TKCT;
  + Lưu: VT, NN Thăng.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

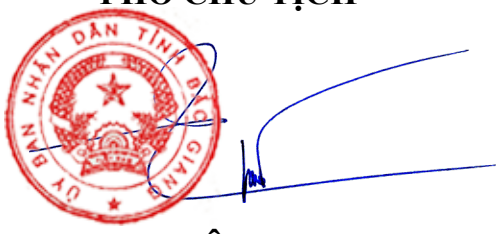

Lê Ô Pích

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH
Khuyến nông tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021 - 2025

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 6 năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang)

I. MỤC TIÊU, ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI THỰC HIỆN

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu chung

Nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh của các tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp để nâng cao hiệu quả kinh tế; thích ứng với các điều kiện sinh thái, khí hậu và thị trường thông qua nội dung, hình thức, phương thức hoạt động khuyến nông. Góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng phát triển sản xuất hàng hóa, nâng cao năng suất, chất lượng, an toàn thực phẩm đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu; thúc đẩy cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, gắn với xây dựng nông thôn mới; bảo đảm an ninh lương thực, ổn định kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường. Huy động nguồn lực từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước tham gia chuyển giao khoa học công nghệ trong nông nghiệp.

1.2. Mục tiêu cụ thể

- Lựa chọn 25 - 30 tiến bộ khoa học kỹ thuật mới về giống, phân bón, qui trình sản xuất, liên kết sản xuất, cơ giới hóa,.. đưa vào xây dựng mô hình trình diễn trên các cây, con chủ lực của tỉnh; xây dựng 10 - 12 liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, nhãn hiệu hàng hóa.

- Tổ chức đào tạo, tập huấn cho khoảng 8.150 lượt người, trong đó có khoảng 900 lượt đối tượng chuyển giao. Tổ chức tham quan, học tập, trao đổi kinh nghiệm; hội thảo; tổng kết, đánh giá các đối tượng cây trồng, vật nuôi, chuyên đề với khoảng 6.000 lượt người tham dự.

- Đảm bảo các thông tin liên quan sản xuất nông nghiệp như biến động của thời tiết, mùa vụ, giống cây trồng, vật nuôi, các biện pháp chỉ đạo, hướng dẫn tiến bộ kỹ thuật, các mô hình hay được cập nhật và đưa tin thường xuyên trên các phương tiện thông tin đại chúng của tỉnh, của trang thông tin khuyến nông.

- Xã hội hoá công tác khuyến nông, thu hút nguồn vốn đầu tư từ các tổ chức, cá nhân tham gia tối thiểu bằng 35% so với nguồn vốn NSNN đầu tư cho công tác khuyến nông.

2. Đối tượng

- Tổ chức, cá nhân thuộc hệ thống khuyến nông tỉnh Bắc Giang; tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực nghiên cứu, đào tạo, chuyển giao, có chức năng, nhiệm vụ liên quan đến hoạt động khuyến nông, chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

- Chủ hộ nông dân, chủ trang trại, tổ viên tổ hợp tác, xã viên hợp tác xã và các cá nhân hoạt động sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

- Tổ liên kết, tổ hợp tác, hợp tác xã, doanh nghiệp và các tổ chức khác hoạt động sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

3. Phạm vi thực hiện: Trên địa bàn toàn tỉnh, ưu tiên các vùng quy hoạch sản xuất nông nghiệp tập trung trên địa bàn tỉnh.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

1. Đào tạo, tập huấn

1.1. Đào tạo, tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, phương pháp khuyến nông cho đối tượng chuyển giao công nghệ.

Trang bị cho đối tượng chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp về chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng, kinh nghiệm công tác khuyến nông, tiến bộ khoa học kỹ thuật, cách làm hay và hiệu quả, kiến thức về chủ trương, đường lối, cơ chế chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp.

1.2 Tập huấn chuyển giao tiến bộ kỹ thuật sản xuất, tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh nông nghiệp cho các đối tượng nhận chuyển giao công nghệ.

Trang bị cho đối tượng nhận chuyển giao công nghệ về tiến bộ khoa học kỹ thuật, cách làm hay và hiệu quả, chủ trương, đường lối, cơ chế chính sách, thị trường, tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh nông nghiệp, phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai, dịch hại; về sản xuất an toàn, sản xuất nông nghiệp hữu cơ.

2. Thông tin tuyên truyền

2.1. Thông tin truyền thông

- Xuất bản tài liệu khuyến nông: Phát hành tài liệu khuyến nông về kỹ thuật sản xuất rau, quả hữu cơ; VietGAP; chăn nuôi gà, lợn theo hướng an toàn sinh học; thâm canh thủy sản; quản lý, phát triển rừng.

- Thông tin tuyên truyền trên Đài phát thanh & truyền hình tỉnh, Báo Bắc Giang; cập nhật thông tin thường xuyên, đăng tải tin, bài, ảnh, video về những kinh nghiệm hoạt động, các mô hình hay, các điển hình tiên tiến, văn bản chính sách… trên trên trang website *khuyennongbacgiang.com.*

- Phối hợp với Đài Khí tượng Thủy văn tỉnh thực hiện các bản tin dự báo khí tượng tuần phục vụ công tác chuyển giao, giúp bà con nông dân bố trí thời vụ, tổ chức sản xuất phù hợp với điều kiện thời tiết và chủ động ứng phó với điều kiện thời tiết bất thường, phòng tránh và giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai.

2.2. Tổ chức hội nghị, hội thảo, diễn đàn khuyến nông, tham quan học tập

- Tổ chức các cuộc hội nghị, hội thảo, diễn đàn khuyến nông @ nông nghiệp chuyên đề về liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm trong nông nghiệp; về tổng kết, đánh giá các mô hình khuyến nông; về kinh nghiệm tổ chức quản lý sản xuất nhằm để thông tin, tuyên truyền, nhân rộng, phát triển sản xuất.

- Tổ chức tham quan, học tập thực tế cho cán bộ quản lý, đối tượng chuyển giao, nông dân điển hình, qua đó để trao đổi học tập thực tế về hoạt động khuyến nông, các kinh nghiệm, tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp từ các địa phương, tỉnh bạn.

2.3. Tham gia triển lãm, hội chợ nông nghiệp

Tham gia các hội chợ triển lãm trong và ngoài tỉnh, đây là cơ hội để học tập, trao đổi, quảng bá, giới thiệu các sản phẩm nông nghiệp chủ lực, đặc trưng, sản phẩm làng nghề tiêu biểu của tỉnh như: Vải thiều, cam lòng vàng Lục Ngạn, gà đồi, chè Yên Thế, na Lục Nam, mỳ Chũ, bánh đa Kế...

3. Công tác xây dựng và nhân rộng mô hình

3.1. Lĩnh vực trồng trọt

Khuyến khích, hướng dẫn nông dân ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới (giống, quy trình công nghệ canh tác…); hệ thống quản lý, giám sát, chứng nhận về an toàn thực phẩm; mô hình kinh tế kết hợp và hoạt động chuỗi giá trị đối với nhóm cây trồng chủ lực, sản phẩm OCOP của địa phương, từng bước phát triển trồng trọt hữu cơ... góp phần phát triển ngành trồng trọt theo hướng hiện đại, bền vững, tăng năng suất, chất lượng, hiệu quả và khả năng cạnh tranh. Chương trình cụ thể:

- Chương trình phát triển sản xuất lúa bền vững ứng phó với biến đổi khí hậu:

+ Liên kết sản xuất lúa chất lượng cao theo tiêu chuẩn VietGAP, theo hướng hữu cơ…gắn với tiêu thụ sản phẩm;

+ Áp dụng tiến bộ kỹ thuật về phân bón cho cây trồng và sản xuất lúa theo hướng hữu cơ;

+ Ứng dụng cơ giới hóa (mạ khay, cấy máy, máy bay phun thuốc BVTV, phân bón lá…) trong sản xuất lúa giống mới (Giống BQ, QR15, BC15-02, ST25, TBR225…) theo hướng hữu cơ;

- Chương trình phát triển sản xuất rau, hoa bền vững:

+ Sản xuất rau an toàn (VietGAP, hữu cơ) gắn với liên kết chế biến, tiêu thụ sản phẩm;

+ Sản xuất nấm ăn, nấm dược liệu an toàn, chất lượng cao;

+ Ứng dụng CNC (nhà màng, nhà lưới, nhà kính, tưới tự động) trong sản xuất rau an toàn, hoa chất lượng cao.

+ Cơ giới hóa đồng bộ trong sản xuất rau chế biến.

- Chương trình chuyển đổi cơ cấu cây trồng nâng cao giá trị sản xuất:

+ Chuyển đổi đất lúa sang cây trồng khác có giá trị kinh tế cao hơn (ngô sinh khối cho chăn nuôi, ngô rau cho chế biến; cây công nghiệp; cây dược liệu; cây ăn quả; trồng cỏ và thức ăn thô xanh cho chăn nuôi gia súc...);

+ Chuyển đổi cơ cấu cây trồng theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và bền vững.

- Chương trình phát triển sản xuất bền vững một số cây ăn quả chủ lực:

+ Sản xuất cây ăn quả đặc sản phục vụ xuất khẩu (nhãn, vải, bưởi, cam...);

+ Liên kết sản xuất cây ăn quả chủ lực của tỉnh được chứng nhận sản phẩm hữu cơ, VietGAP gắn với xây dựng thương hiệu và tiêu thụ sản phẩm;

+ Ứng dụng công nghệ tưới tiết kiệm, điều khiển tự động, kết hợp sử dụng bón phân qua hệ thống tưới cho cây ăn quả;

+ Áp dụng tiến bộ kỹ thuật về phân bón cho cây trồng và sản xuất vải, nhãn, cây có múi đảm bảo chứng nhận sản phẩm hữu cơ.

3.2. Lĩnh vực lâm nghiệp:

Chuyển giao, ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật về giống, quy trình kỹ thuật và sản xuất kinh doanh để phát triển và quản lý rừng, đất rừng bền vững theo hướng nâng cao năng suất và chất lượng rừng, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu; thực hiện liên kết trong sản xuất lâm nghiệp theo chuỗi giá trị từ trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến và tiêu thụ sản phẩm gỗ rừng trồng. Chương trình cụ thể:

- Chương trình phát triển trồng rừng gỗ lớn:

+ Trồng rừng thâm canh nguyên liệu hướng tới quản lý rừng bền vững sử dụng các giống mới (mô) keo lai AH1,AH7, BV32, BV33. Keo mô lá tràm; bạch đàn UP99, DH3229, PNCT3,… Áp dụng cơ giới hóa khâu đào hố, phát dọn thực bì, chăm sóc.

+ Trồng rừng thâm canh gỗ lớn hướng tới quản lý rừng bền vững sử dụng các giống mới (mô) keo lai AH1, AH7, BV32, BV33,… Keo mô lá tràm; bạch đàn UP99,DH3229, PNCT3,… Áp dụng cơ giới hóa khâu đào hố, phát dọn thực bì, chăm sóc.

- Chương trình phát triển trồng rừng cây lâm sản ngoài gỗ: Trồng, chế biến và liên kết tiêu thụ sản phẩm một số loài cây lâm sản ngoài gỗ dưới tán rừng: Ba Kích, Khôi nhung tía, Sa nhân tím, Sâm nam núi Dành, Đương quy, Đẳng sâm, Trà hoa vàng, nấm lim xanh,...

3.3. Lĩnh vực chăn nuôi:

Chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật mới, quy trình quản lý tiên tiến, liên kết trong chăn nuôi, phát triển chuỗi trong chăn nuôi nhằm đảm bảo an toàn thực phẩm, giảm ô nhiễm môi trường; nâng cao nhận thức của người chăn nuôi về chăn nuôi hữu cơ, an toàn sinh học, vệ sinh thú y, phòng chống dịch bệnh, phát triển chăn nuôi bền vững, chương trình cụ thể:

- Chương trình phát triển chăn nuôi gia cầm theo chuỗi giá trị:

+ Chăn nuôi gà thịt thương phẩm theo quy trình VietGAHP;

+ Phát triển chăn nuôi gà (Mía lai, Chọi lai,...) an toàn sinh học.

+ Phát triển chăn nuôi gà (Mía lai, Chọi lai,...) theo hướng hữu cơ.

- Chương trình chăn nuôi lợn theo chuỗi giá trị gắn với xây dựng thương hiệu sản phẩm hữu cơ:

+ Chăn nuôi lợn thịt an toàn sinh học.

+ Phát triển chăn nuôi lợn theo hướng hữu cơ.

- Chương trình phát triển chăn nuôi gia súc theo hướng nâng cao giá trị và thích ứng với biến đổi khí hậu:

+ Chăn nuôi vỗ béo bò thịt cao sản chất lượng cao sử dụng chế phẩm sinh học xử lý chất thải để sản xuất phân hữu cơ tại các vùng chăn nuôi tập trung.

+ Cải tạo đàn bò cái nền bằng phương pháp thụ tinh nhân tạo tinh phân li giới tính cái theo hướng thay đổi cơ cấu trong chăn nuôi.

- Chương trình phát triển chăn nuôi bản địa và các vật nuôi khác có tiềm năng thị trường

+ Phát triển chăn nuôi ong theo hướng VietGAHP, nâng cao chuỗi giá trị, thích ứng với biến đổi khí hậu

+ Phát triển chăn nuôi dê theo hướng nâng cao chuỗi giá trị, thích ứng với biến đổi khí hậu

3.4. Lĩnh vực thủy sản:

Ứng dụng, chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật trên các lĩnh vực nuôi trồng nhằm tăng năng suất, chất lượng, giá trị và bảo vệ nguồn lợi thủy sản; xây dựng mô hình quản lý, tổ chức sản xuất theo hướng liên kết chuỗi sản phẩm; bổ sung các đối tượng nuôi phù hợp với các điều kiện khác nhau nhằm đa dạng đối tượng nuôi và sinh kế cho người dân, chương trình cụ thể:

- Chương trình Khuyến ngư nuôi thủy sản nước ngọt:

+ Nuôi cá, tôm thâm canh ứng dụng công nghệ sinh học;

+ Ứng dụng công nghệ biofloc vào nuôi cá rô phi thâm canh;

+ Ứng dụng công nghệ số vào nuôi cá thâm canh.

- Chương trình Khuyến ngư phát triển nuôi đặc sản và một số loài cá bản địa:

+ Nuôi các đối tượng thủy sản (cá trắm đen, cá chạch, cua đồng, baba, ếch…);

+ Nuôi cá nước lạnh (cá tầm).

(Chi tiết tại các phụ biểu số 1,2,3 kèm theo)

4. Kinh phí thực hiện

4.1. Tổng kinh phí thực hiện: 38.020 triệu đồng *(Ba mươi tám tỷ, không trăm, hai mươi triệu đồng)*. Trong đó:

- Ngân sách nhà nước: 25.000 triệu đồng.
- Vốn đối ứng *(xây dựng mô hình khuyến nông)* 13.020 triệu đồng.

4.2. Nguồn vốn

- Nguồn ngân sách tỉnh hàng năm và nguồn vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án khác;
- Vốn đối ứng của các cá nhân, tổ chức tham gia chương trình khuyến nông.

(Chi tiết tại phụ biểu số 04 kèm theo)

III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Về nhân lực

- Tập trung nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác khuyến nông cấp tỉnh; ưu tiên cho việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ chuyển giao tại các Trung tâm dịch vụ KTNT các huyện, thành phố và cán bộ phụ trách lĩnh vực nông nghiệp tại các xã, phường, thị trấn.

- Chú trọng nâng cao kỹ năng thực hành, kiến thức thực tế, tinh thần, trách nhiệm và thái độ phục vụ, đồng thời nâng cao kỹ năng giao tiếp, truyền đạt, tổ chức hội thảo, xây dựng mô hình và đánh giá các hoạt động khuyến nông.

2. Về nguồn lực và xã hội hóa khuyến nông

- Đầu tư nâng cấp cơ sở, vật chất, trang bị phương tiện làm việc cho hệ thống khuyến nông, cải thiện điều kiện môi trường làm việc thuận lợi.

- Tranh thủ các nguồn lực thực hiện chương trình khuyến nông thông qua liên kết với các Viện, Trường, các Trung tâm nghiên cứu, các đơn vị kỹ thuật trong ngành để tiếp nhận nhanh các tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới phục vụ sản xuất.

- Sử dụng hiệu quả nguồn kinh phí được giao, nguồn kinh phí các chương trình mục tiêu về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo, vốn nghiên cứu khoa học và các nguồn vốn liên kết khác từ các dự án, các doanh nghiệp để tăng cường và đa dạng hóa, xã hội hóa công tác khuyến nông, đưa tiến bộ kỹ thuật và khoa học công nghệ vào sản xuất nông nghiệp.

- Tích cực triển khai các giải pháp huy động tối đa các nguồn lực xã hội tham gia vào công tác khuyến nông, thông qua việc đổi mới nội dung và phương pháp hoạt động; xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích thu hút các tổ chức xã hội tham gia... nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác khuyến nông.

3. Về liên kết sản xuất nông nghiệp gắn với tiêu thụ sản phẩm

- Đẩy nhanh việc hình thành và đổi mới hình thức hoạt động của hợp tác xã nông nghiệp, tổ hợp tác theo hình thức dịch vụ trọn gói từ cung ứng các dịch vụ, vật tư đầu vào đến tìm đầu ra cho sản phẩm; là đầu mối đại diện cho nông dân trong mối liên kết "bốn nhà" trong sản xuất nông nghiệp.

- Khuyến khích các hình thức liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, sản xuất tập trung... để tạo đầu ra bền vững cho sản phẩm, tạo vùng sản xuất hàng hóa tập trung mang lại thu nhập ổn định cho nông dân.

4. Về chính sách: Áp dụng chính sách hỗ trợ quy định tại Nghị quyết số 45/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/ 2020 của HĐND tỉnh Bắc Giang ban hành quy định nội dung chi và mức chi hỗ trợ cho hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025;

5. Về nhân rộng mô hình sản xuất hiệu quả

- Tăng cường công tác thông tin tuyên truyền rộng rãi các mô hình sản xuất có hiệu quả đến với người sản xuất.

- Vận dụng các chính sách của Nhà nước để hỗ trợ nhân rộng sản xuất cũng như sơ chế, chế biến, bảo quản và tiêu thụ sản phẩm.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chủ trì tổ chức thực hiện Chương trình khuyến nông. Hàng năm, căn cứ Chương trình khuyến nông đã được phê duyệt và nhu cầu thực tiễn sản xuất, thị trường, xây dựng kế hoạch khuyến nông và dự toán kinh phí gửi Sở tài chính tổng hợp trình UBND tỉnh giao kinh phí thực hiện;

- Phê duyệt kế hoạch khuyến nông và dự toán kinh phí chi tiết thực hiện hàng năm sau khi được giao kinh phí;

- Chỉ đạo Trung tâm Khuyến nông và các đơn vị trực thuộc Sở tổ chức triển khai thực hiện chương trình đảm bảo tiến độ, hiệu quả;

- Theo dõi, hướng dẫn, chỉ đạo tổ chức thực hiện; tổng hợp tình hình, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện chương trình hàng năm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

2. Sở Tài chính: Căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách, hàng năm trên cơ sơ đề xuất của đơn vị, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu trình UBND tỉnh bố trí ngân sách để thực hiện Chương trình. Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát công tác thanh quyết toán nguồn vốn ngân sách theo quy định hiện hành.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Tài chính tham mưu trình UBND tỉnh, HĐND tỉnh phân bổ ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh để thực hiện chương trình;

4. Sở Khoa học và Công nghệ: Nghiên cứu, tham mưu cấp có thẩm quyền lựa chọn các nhiệm vụ khoa học và công nghệ nghiên cứu, ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật phục vụ Chương trình; phối hợp trong công tác đào tạo, tập huấn, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật; tư vấn, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp cho một số nông sản chủ lực, đặc trưng, tiềm năng của tỉnh.

5. Các cơ quan thông tin truyền thông: Tăng cường phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tuyên truyền về công tác khuyến nông.

6. Các Sở, ban, ngành liên quan: Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố phối hợp thực hiện các nội dung chương trình.

7. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

- Hàng năm lập kế hoạch, bố trí ngân sách địa phương thực hiện Chương trình khuyến nông trên địa bàn;

- Chỉ đạo Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (phòng Kinh tế), Trung tâm Dịch vụ kỹ thuật nông nghiệp, UBND cấp xã và phòng ban có liên quan triển khai thực hiện;

- Định kỳ hàng năm tổng hợp tình hình và kết quả thực hiện chương trình bằng nguồn ngân sách của địa phương gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh./.

PHỤ BIỂU SỐ 01: **CHƯƠNG TRÌNH KHUYẾN NÔNG TỈNH BẮC GIANG GIAI ĐOẠN 2021-2025**
LĨNH VỰC ĐÀO TẠO, TẬP HUẤN, THÔNG TIN TUYÊN TRUYỀN

TT	Tên chương trình	Mục tiêu tổng quát	Nội dung hoạt động	Địa bàn thực hiện	Kết quả dự kiến
1.	Chương trình đào tạo, tập huấn nâng cao trình độ cho đối tượng chuyển giao	- Nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ và kiến thức thị trường, kỹ năng cho cán bộ KN tỉnh, huyện trong việc chuyển giao, ứng dụng tiến bộ KHKT vào sản xuất. - Tăng cường năng lực cho cán bộ KN và cộng tác viên KN xã, thôn để thực hiện các hoạt động KN tại cơ sở đạt hiệu quả và chất lượng	- Tập huấn nâng cao năng lực nghiệp vụ, chuyên môn (TOT) cho cán bộ chuyển giao tỉnh, huyện - Tập huấn kỹ thuật chuyên ngành cho cán bộ chuyển giao và cộng tác viên xã, thôn - Thời gian tổ chức: 2-3 ngày/lớp	Các huyện, thành phố	- Tổ chức 30 lớp tập huấn. - 900 lượt đối tượng chuyển giao được bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực về chuyên môn nghiệp vụ, về quản lý dịch hại tổng hợp (TOT), về thông tin chính sách mới.
.2	Chương trình tập huấn cho đối tượng nhận chuyển giao	Cập nhật, trang bị kiến thức và chuyển giao tiến bộ KHKT mới cho nông dân góp phần đẩy nhanh áp dụng các TBKT vào sản xuất, nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp.	- Tổ chức tập huấn chuyển giao tiến bộ kỹ thuật mới về trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản cho nông dân. - Thời gian tổ chức: 1-2 ngày/lớp	Các huyện, thành phố	- Tổ chức 125 lớp tập huấn; - 7 250 lượt học viên các tổ hợp tác, nhóm hộ sản xuất, cá nhân, nông dân tham dự.
3	Chương trình thông tin tuyên truyền	Giúp người dân nắm bắt kịp thời những chủ trương, chính sách và TBKT mới trong nông nghiệp; tình hình sản xuất và thị trường tiêu thụ sản phẩm, những mô hình sản xuất hiệu quả; Hiểu và làm theo những khuyến cáo khoa học kỹ thuật tiên tiến về khuyến nông, nông nghiệp và phát triển nông thôn bền vững.	- Thông tin tuyên truyền trên Đài PT-TH tỉnh. - Thông tin truyên truyền trên Báo Bắc Giang. - Thông tin tuyên truyền trên trang thông tin điện tử Trung tâm Khuyến nông Bắc Giang	Các huyện, thành phố	- Xây dựng và phát sóng 60 chuyên mục, phóng sự/năm về khuyến nông trên Đài PT-TH tỉnh. - Thực hiện 40 chuyên mục khuyến nông, 2 chuyên trang khuyến nông trên Báo Bắc Giang. - Cập nhật, duy trì thường xuyên tin tức, đăng tải hàng ngày tin, bài, video trên trang web:

			- Thông tin dự báo thời tiết khí tượng thủy văn - Xuất bản tài liệu khuyến nông		khuyennongbacgiang.com - Phối hợp đăng tải bản tin dự báo khí tượng hàng tuần và các thông báo điều kiện thời tiết bất thường trên trang web: khuyennongbacgiang.com - Xuất bản 10.000 cuốn tài liệu kỹ thuật về sản xuất rau, quả hữu cơ; VietGAP; chăn nuôi gà, lợn theo hướng an toàn sinh học; thâm canh thủy sản; quản lý, phát triển rừng
4	Chương trình tham quan, học tập kinh nghiêm và tổ chức hội nghi, hội thảo.	Tạo điều kiện cho đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ khuyến nông và nông dân có điều kiện tiếp cận các mô hình mới, có hiệu quả trong và ngoài tỉnh nhằm nâng cao nhận thức, đưa nhanh vào thực tế, nâng cao hiệu quả sản xuất. - Tổng kết, đánh giá, nhân rộng các chương trình, dự án, mô hình khuyến nông... - Đề xuất các giải pháp, chính sách phát triển sản xuất, liên kết chế biến, tiêu thụ sản phẩm.	- Tham quan học tập kinh nghiệm trong và ngoài tỉnh. - Tổ chức hội nghị, hội thảo.	Các huyện, thành phố	- Tổ chức 10 cuộc hội thảo cấp tỉnh, 40 hội nghị, hội thảo cấp huyện, với 5.500 lượt đại biểu tham dự đánh giá và nhân rộng mô hình, chia sẻ kinh nghiệm. - Tổ chức 10 cuộc tham quan với , 200 đại biểu tham gia là cán bộ quản lý, cán bộ khuyến nông, nông dân điển hình tham dự.
5	Chương trình hỗ trợ xúc tiến thương mại và quảng bá nông sản	Hỗ trợ các doanh nghiệp, Hợp tác xã, nông dân sản xuất của tỉnh bắc Giang tham gia Festival, hội chợ, triển lãm quảng bá sản phẩm nông nghiệp chủ lực, sản phẩm làng nghề tiêu biểu của địa phương.	- Tổ chức và tham gia các hội chợ nông nghiệp trong và ngoài tỉnh	Các tỉnh khác	- Mỗi năm tổ chức tham gia 01 hội chợ ngoài tỉnh nhằm giới thiệu quảng bá sản phẩm nông nghiệp chủ lực, chất lượng caocủa tỉnh.

PHỤ BIỂU SỐ 02: CHƯƠNG TRÌNH KHUYẾN NÔNG TỈNH BẮC GIANG GIAI ĐOẠN 2021-2025
LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT, LÂM NGHIỆP

TT	Tên chương trình	Mục tiêu tổng quát	Mô hình khuyến nông	Địa bàn thực hiện	Kết quả dự kiến
I	**Lĩnh vực trồng trọt**				
1	Chương trình phát triển sản xuất lúa bền vững ứng phó với biến đổi khí hậu.	Đẩy mạnh việc áp dụng TBKT về giống, đưa giống mới, chất lượng vào sản xuất và các biện pháp canh tác, áp dụng cơ giới hóa đồng bộ trong sản xuất nông nghiệp: giảm chi phí sản xuất (giảm lượng giống, giảm thuốc bảo vệ thực vật, thuốc trừ cỏ, phân bón, công lao động,...) nhằm nâng cao chất lượng lúa gạo phục vụ nội tiêu và xuất khẩu lúa gạo; đồng thời góp phần giảm lượng khí phát thải nhà kính tại các vùng sản xuất lúa.	- Liên kết sản xuất lúa chất lượng cao theo tiêu chuẩn VietGAP, hướng hữu cơ…gắn với tiêu thụ sản phẩm. - Áp dụng tiến bộ kỹ thuật về phân bón cho cây trồng và sản xuất lúa theo hướng hữu cơ. - Ưng dụng cơ giới hóa (mạ khay, cấy máy, máy bay phun thuốc BVTV, phân bón lá) trong sản xuất lúa giống mới (Giống BQ, QR15, PC6, DDT100, BC15, BG1, ST25, TBR225,…) theo hướng hữu cơ.	Hiệp Hòa, Yên Dũng, Tân Yên, Việt Yên, Lạng Giang, Lục Nam	- Xây dựng khoảng 150 ha mô hình sản xuất đưa các giống lúa chất lượng, có năng suất cao, chất lượng tốt và các mô hình giảm lượng giống, giảm phân bón và lượng thuốc trừ cỏ, BVTV; giảm phát thải khí nhà kính. - Tăng hiệu quả sản xuất, hiệu quả kinh tế tăng ít nhất 10-15% so với ngoài mô hình. - Mỗi năm mở rộng diện tích áp dụng theo dự án đạt ≥ 50%.
2	Chương trình phát triển sản xuất rau, hoa bền vững.	Đẩy mạnh sản xuất rau, hoa, theo hướng an toàn, chất lượng và hiệu quả gắn với tiêu thụ sản phẩm. Nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, sức cạnh tranh trên thị trường. Hình thành vùng sản xuất rau an toàn theo hướng Việt GAP với quy mô lớn phục vụ cho chế biến. Nâng cao nhận thức của người dân trong việc tổ chức, hợp tác sản xuất gắn với tiêu thụ, xây dựng thương hiệu sản phẩm.	- Sản xuất rau an toàn (VietGAP, hữu cơ) gắn với liên kết chế biến, tiêu thụ sản phẩm. - Sản xuất nấm ăn, nấm dược liệu an toàn, chất lượng cao - Ứng dụng CNC (nhà màng, nhà lưới, nhà kính, tưới tự động) trong sản xuất rau an toàn, hoa chất lượng cao. - Cơ giới hóa đồng bộ trong sản xuất rau chế biến.	Hiệp Hòa, Tân Yên, Yên Dũng, Việt Yên, Lạng Giang, Lục Nam, thành phố Bắc Giang, Sơn Động	Xây dựng khoảng 120 ha mô hình sản xuất rau, hoa và khoảng 10 tấn nguyên liệu sản xuất nấm ăn, nấm dược liệu theo hướng an toàn gắn với tiêu thụ sản phẩm. - Nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả sản xuất rau, hoa; Hiệu quả kinh tế tăng ít nhất 10-15% tùy đối tượng cây trồng so với ngoài mô hình. - Mỗi năm mở rộng diện tích áp dụng theo dự án đạt ≥ 50%. - Xây dựng hỗ trợ 05 máy làm đất 32 mã lực. 05 giàn xới đất và 05 giàn thu hoạch…

3	Chương trình phát triển sản xuất bền vững một số cây ăn quả chủ lực của tỉnh.	Đẩy mạnh việc chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật mới nhằm thúc đẩy sản xuất một số chủng loại cây ăn quả chủ lực của tỉnh theo hướng bền vững, an toàn dịch bệnh gắn với chuỗi liên kết tiêu sản phẩm. Góp phần hình thành vùng sản xuất cây ăn quả chuyên canh, bền vững. Nâng cao nhận thức của người dân trong việc tổ chức sản xuất an toàn, bền vững; xây dựng thương hiệu sản phẩm, truy xuất nguồn gốc cây trồng và sản phẩm cây trồng.	- Sản xuất cây ăn quả đặc sản phục vụ xuất khẩu (nhãn vải, bưởi, cam, vú sữa ...). - Liên kết sản xuất cây ăn quả chủ lực của tỉnh đáp ứng tiêu chuẩn hữu cơ găn với xây dựng thương hiệu và tiêu thụ sản phẩm - Ứng dụng công nghệ tưới tiết kiệm, điều khiển tự động, kết hợp sử dụng bón phân qua hệ thống tưới cho cây ăn quả - Áp dụng tiến bộ kỹ thuật về phân bón cho cây trồng và sản xuất vải, nhãn, cây có múi đáp ứng tiêu chuẩn hữu cơ. - Làm nhà lưới ngăn côn trùng và giàn đỡ cành quả cho cây táo.	Lục Ngạn, Lục Nam, Sơn Động, Tân Yên, Yên Thế	- Xây dựng được khoảng 30ha mô hình sản xuất các cây ăn quả đặc sản, chủ lực đáp ứng tiêu chuẩn hữu cơ để phục vụ xuất khẩu. 30 ha mô hình liên kết sản xuất cây ăn quả chủ lực theo hướng hữu cơ gắn với xây dựng thương hiệu và tiêu thụ sản phẩm. 05ha mô hình trồng táo trong nhà lưới. 05 ha mô hình ứng dụng công nghệ tưới tiết kiệm, điều khiển tự động, kết hợp sử dụng bón phân qua hệ thống tưới cho cây ăn quả - Tại các mô hình dịch bệnh được khống chế, không để bùng phát. - Các mô hình xây dựng theo hướng bền vững gắn với tiêu thụ sản phẩm. - Năng suất, chất lượng các cây trồng được nâng cao. Hiệu quả kinh tế các sản phẩm cây trồng khi cho thu hoạch tăng ít nhất 10- 15% so với sản xuất ngoài mô hình. - Kết thúc chương trình sẽ mở rộng thêm diện tích ≥ 50% so với trước khi triển khai.
4	Chương trình chuyển đổi cơ cấu cây trồng nâng cao giá trị sản xuất.	Chuyển đổi một phần diện tích trồng lúa hoặc cây trồng có hiệu quả kinh tế thấp sang cây trồng khác có hiệu quả kinh tế cao hơn; sử dụng cơ cấu cây trồng hợp lý, nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả đầu tư; Tổ chức sản xuất theo hướng bền vững bảo vệ môi trường, cải tạo đất; nâng cao hiệu suất sản xuất nông nghiệp và nâng cao hiệu quả sử dụng ruộng đất; tăng thu nhập trên một đơn vị diện tích.	- Chuyển đổi đất lúa sang cây trồng khác có giá trị kinh tế cao hơn (ngô sinh khối cho chăn nuôi, ngô rau cho chế biến; cây công nghiệp; cây dược liệu; cây ăn quả; trồng cỏ và thức ăn thô xanh cho chăn nuôi gia súc...); - Chuyển đổi cơ cấu cây trồng theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và bền vững.	Hiệp Hòa, Lục Nam, Yên Dũng, Tân Yên, Việt Yên, Tp Bắc Giang	- Xây dựng được khoảng 40 ha mô hình chuyển đổi từ đất lúa hoặc các cây trồng kém hiệu quả sang các cây trồng khác có giá trị kinh tế cao hơn ; - Năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế các cây trồng chuyển đổi cao hơn sản xuất đại trà so với cây trồng trước khi chuyển đổi tăng ít nhất từ 15-20%. - Mô hình canh tác mới có nhiều ưu việt so với chế độ canh tác cũ; đất và môi trường canh tác, được cải tạo theo hướng bền vững. - Kết thúc chương trình sẽ mở rộng thêm diện tích ≥ 50% so với trước khi triển khai.

II	**Lĩnh vực Lâm nghiệp**				
1	Chương trình trồng rừng gỗ lớn	Chuyển giao các giống mới và tiến bộ kỹ thuật về lâm sinh để phát triển trồng rừng thâm canh cung cấp gỗ lớn. - Nâng cao năng suất, chất lượng rừng trồng sản xuất. - Nâng cao hiệu quả kinh tế rừng trồng.	Trồng rừng cung cấp gỗ lớn hướng tới quản lý rừng bền vững từ các giống Keo lai mô các dòng: TB1, TB7, TB11, AH1, AH7, BV32,BV33…. Keo mô lá tràm, áp dụng cơ giới hóa một số khâu làm đất, chăm sóc.	Các huyện Sơn Động, Lục Ngạn, Lục Nam, Yên Thế	Quy mô 200 ha. - Năng suất bình quân đạt 25-30 m3/ha/năm. - Năng suất cuối năm thứ 3 đạt trên 40 m3/ha. - Chu kỳ kinh doanh từ 10-12 năm. - Nâng cao hiệu quả kinh tế, tăng 50% so với rừng trồng gỗ nhỏ. - Xây dựng mô hình hướng tới quản lý rừng bền vững. - Khả năng nhân rộng tối thiểu 20% diện tích mô hình.
			Trồng rừng kinh tế bằng một số dòng Bạch đàn lai: UP99, DH3229, PNCT3... nhân giống bằng phương pháp nuôi cấy mô. áp dụng cơ giới hóa một số khâu làm đất, chăm sóc.	Các huyện Sơn Động, Lục Ngạn, Lục Nam, Yên Thế	Quy mô 200 ha. - Năng suất bình quân đạt 25-30 m3/ha/ năm. - Năng suất cuối năm thứ 3 đạt trên 40 m3/ha. - Chu kỳ kinh doanh từ 8-10 năm. - Nâng cao hiệu quả kinh tế, tăng 50% so với rừng trồng gỗ nhỏ. - Xây dựng mô hình hướng tới quản lý rừng bền vững. - Khả năng nhân rộng tối thiểu 20% diện tích.
2	Chương trình trồng rừng cây lâm sản ngoài gỗ	- Chuyển giao các giống mới, giống cây trội, giống chuyển hóa và tiến bộ kỹ thuật về gây trồng các loài lâm sản ngoài gỗ. - Nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm một số cây lâm sản ngoài gỗ có giá trị kinh tế cao. - Tạo thu nhập thường xuyên và ổn định cho người dân làm nghề rừng từ nguồn thu cây lâm sản ngoài gỗ. Từ đó, thúc đẩy và là cơ sở thực hiện quản lý rừng bền vững.	Trồng, chế biến và liên kết tiêu thụ sản phẩm một số loài cây lâm sản ngoài gỗ: Ba Kích, Khôi nhung tía, Sa nhân tím, Sâm nam núi Dành, Đương quy, Đẳng sâm, Trà hoa vàng, nấm lim xanh	Huyện Sơn Động, Lục Ngạn, Lục Nam, Yên Thế, Tân Yên	Quy mô 30 ha. - Năng suất tăng tối thiểu 15% so với mô hình đại trà. - Xây dựng mô hình liên kết tiêu thụ sản phẩm với sự tham gia của doanh nghiệp. - Nâng cao hiệu quả kinh tế, tăng 20% so với mô hình tự phát. - Khả năng nhân rộng tối thiểu 15% diện tích mô hình.

PHỤ BIỂU SỐ 03: **CHƯƠNG TRÌNH KHUYẾN NÔNG TỈNH BẮC GIANG GIAI ĐOẠN 2021-2025**
LĨNH VỰC CHĂN NUÔI , THỦY SẢN

TT	Tên chương trình	Mục tiêu tổng quát	Mô hình khuyến nông	Địa bàn thực hiện	Kết quả dự kiến
1	**Lĩnh vực chăn nuôi**				
1	Chương trình phát triển chăn nuôi gia cầm theo chuỗi giá trị.	- Áp dụng quy trình chăn nuôi an toàn sinh học, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm thịt gia cầm, tăng giá trị có sức cạnh tranh trên thị trường; - Áp dụng tiến bộ kỹ thuật công nghệ mới gắn với xây dựng nhãn hiệu, tiêu thụ sản phẩm và truy xuất nguồn gốc sản phẩm chăn nuôi gia cầm an toàn - Tổ chức mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị	- Chăn nuôi gà thịt thương phẩm theo quy trình VietGAHP . - Phát triển chăn nuôi gà (Mía lai, Chọi lai...), an toàn sinh học. - Chăn nuôi gà (Mía lai, Chọi lai...), theo hướng hữu cơ.	Tân Yên, Lạng Giang, Hiệp Hòa	- Xây dựng 4 mô hình chăn nuôi gà thịt với quy mô 24.000 con. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật: Tỷ lệ nuôi sống đến 12 tuần tuổi ≥ 93%. Khối lượng xuất chuồng ≥1.6kg/con gà mái, ≥2.4 kg/con gà trống. Tiêu tốn thức ăn ≤ 3kg thức ăn / kg tăng khối lượng. - Tăng giá trị chăn nuôi trên 15%; Khả năng nhân rộng mô hình trên 20% - Sau khi kết thúc mô hình > 80% các hộ tham gia mô hình được cấp chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh thú y.
2	Chương trình phát triển chăn nuôi gia súc theo hướng nâng cao giá trị và thích ứng với biến đổi khí hậu	- Cải tạo chất lượng giống vật nuôi nhằm tăng năng suất chất lượng. - Áp dụng tiến bộ kỹ thuật và công nghệ mới trong chăn nuôi nhằm tăng năng suất và thích ứng với biến đổi khí hậu. - Cải tạo đàn bò cái nền theo hướng thay đổi cơ cấu trong chăn nuôi (nâng cao tỷ trọng gia súc ăn cỏ).	- Chăn nuôi vỗ béo bò thịt cao sản chất lượng cao, , sử dụng chế phẩm sinh học xử lý chất thải để sản xuất phân hữu cơ tại các vùng chăn nuôi chính. - Cải tạo đàn bò cái nền áp dụng phương pháp thụ tinh nhân tạo bằng tinh phân li giới tính	Các huyện trong tỉnh	- Xây dựng 03 mô hình vỗ béo bò thịt. Quy mô 600 con. Khả năng tăng khối lượng ≥ 850 g/con/ngày; xử dụng chế phẩm giảm thiểu mùi hôi, giảm thiểu phát thải khí nhà kính - Xây dựng 02 mô hình cải tạo đàn bò địa phương bằng kỹ thuật thụ tinh nhân tạo, sử dụng tinh bò phân ly giới tính nhập khẩu để nâng cao chất lượng đàn bò cái nền địa phương với quy mô 1.000 liều tinh bò nhập khẩu. - Khả năng nhân rộng mô hình 15%

3	Chương trình chăn nuôi lợn theo chuỗi giá trị gắn với xây dựng thương hiệu sản phẩm	- Phát tiển chăn nuôi lợn an toàn sinh học, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm; - Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật mới trong chăn nuôi, phòng trừ dịch bệnh;	- Chăn nuôi lợn thịt an toàn sinh học. - Phát triển chăn nuôi lợn theo hướng hữu cơ.	Hiệp Hòa, Tân Yên,Việt Yên, Lạng Giang	- Xây dựng 03 mô hình chăn nuôi lợn thịt an toàn dịch bệnh. Quy mô 300 con. - Xây dựng 02 mô hình chăn nuôi lợn hữu cơ gắn với thương hiệu sản phẩm. Quy mô 200 con. - Khả năng tăng khối lượng ≥ 600 g/con/ngày; Tiêu tốn thức ăn /kg tăng khối lượng ≤ 2,6 kg; Khối lượng xuất chuồng ≥ 100 kg - Khả năng nhân rộng mô hình trên 10%. - Tăng giá trị chăn nuôi trên 10% và định hướng tới xuất khẩu tại các vùng chăn nuôi trọng điểm. - Sau khi kết thúc mô hình > 80% các hộ tham gia mô hình được cấp chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh thú y
4	Chương trình phát triển chăn nuôi bản địa và các vật nuôi khác có tiềm năng thị trường	- Nâng cao giá trị kinh tế của vật nuôi bản địa, khai thác lợi thế cạnh tranh và bảo vệ môi trường. - Phát triển bền vững với các vật nuôi có tiềm năng thị trường.	- Phát triển chăn nuôi ong theo hướng VietGAHP, nâng cao chuỗi giá trị, thích ứng với biến đổi khí hậu - Phát triển chăn nuôi dê theo hướng nâng cao chuỗi giá trị, thích ứng với biến đổi khí hậu	Huyện Sơn Động, Lục Nam, Yên Thế, Lục Ngạn	- Xây dựng 4 mô hình nuôi ong nội. Qui mô 600 đàn; + Năng suất mật ≥ 15kg/đàn, hệ số nhân đàn ≥ 0,3 lần/năm. + Không tồn dư kháng sinh trong mật ong (kháng sinh phòng bệnh sử dụng trong quá trình nuôi); - Hiệu quả kinh tế tăng 15%. - Xây dựng 2 mô hình nuôi dê sinh sản quy mô 170 con; số lứa đẻ /cái/năm ≥ 1,6; tỷ lệ nuôi sống ≥ 90%
2	**Lĩnh vực thủy sản**				
1	Chương trình Khuyến ngư nuôi thủy sản nước ngọt.	- Tận dụng tiềm năng mặt nước phát triển mạnh nghề nuôi thủy sản nước ngọt để tạo ra sản phẩm an toàn, có giá trị xuất khẩu. - Tăng thu nhập, tạo việc làm cho	- Nuôi cá, tôm thâm canh ứng dụng công nghệ sinh học - Ứng dụng công nghệ biofloc vào nuôi cá rô phi	Các huyện, thành phố	- Xây dựng 15 mô hình quy mô 1-3 ha/mô hình. - Nhân rộng mô hình tối thiểu 15% - Hiệu quả kinh tế tăng tối thiểu 10% - 100% sản phẩm được tiêu thụ hàng hóa

		người lao động địa phương. - Xây mô hình nuôi thủy sản sử dụng các thiết bị thông minh thay đổi phương thức quản lý sản xuất, sử dụng máy móc thay thế con người, qua đó góp phần tăng hiệu quả sản xuất, giảm công lao động, nâng cao giá trị kinh tế, tạo ra sản phẩm đảm bảo chất lượng. - Liên kết sản xuất tiêu thụ sản phẩm đảm bảo ổn định.	thâm canh - Ứng dụng công nghệ số vào nuôi cá thâm canh		
2	Chương trình Khuyến ngư phát triển nuôi đặc sản và một số loài cá bản địa.	- Tăng cường nhận thức và hiểu biết khoa học công nghệ, quản lý, tổ chức nuôi thủy đặc sản. - Đa dạng hóa đối tượng nuôi từ đó tạo ra sản phẩm hàng hóa có giá trị. - Tận dụng tiềm năng mặt nước và lao động phát triển nuôi thủy đặc sản. - Tạo hàng hóa có giá trị kinh tế xuất khẩu, tăng thu nhập, tạo việc làm cho người lao động.	- Nuôi các đối tượng thủy sản (cá trắm đen, cá chạch, cua đồng, baba, ếch..). - Nuôi cá nước lạnh (cá tầm,..).	Các huyện, thành phố	- Xây dựng trên 5 mô hình, quy mô 1 ha/mô hình; 100 m^3/mô hình nuôi bể; 300 m^3/mô hình nuôi lồng. - Sản phẩm tạo ra có giá trị kinh tế và an toàn vệ sinh thực phẩm. - Nâng cao hiệu quả sản xuất 10-15% so với ngoài mô hình

PHỤ BIỂU SỐ 4. DỰ TOÁN KINH PHÍ CHƯƠNG TRÌNH KHUYẾN NÔNG TỈNH BẮC GIANG GIAI ĐOẠN 2021 -2025

ĐVT: nghìn đồng

TT	Nội dung	Dự toán NSNN hỗ trợ 1 năm				Dự kiến kinh phí 5 năm			Ghi chú
		ĐVT	SL	Đơn giá	T. tiền	Tổng số	NSNN	Vốn đối ứng	
I	**Đào tạo, tập huấn**				**318,900**	**1,594,500**	**1,594,500**	**0**	
1	**Đào tạo, tập huấn nghiệp vụ cho đối tượng chuyển giao (30 người/lớp/2 ngày).**	**Lớp**	**6**	**15,650**	**93,900**	**469,500**	**469,500**	**0**	30 lớp, 900 lượt người tham gia
2	**Tập huấn cho đối tượng nhận chuyển giao (nông dân, đối tượng khác): 50 người/lớp/1 ngày**	**Lớp**	**25**	**9,000**	**225,000**	**1,125,000**	**1,125,000**	**0**	125 lớp, 7250 lượt người tham gia
II	**Thông tin tuyên truyền**				**655,000**	**3,275,000**	**3,275,000**	**0**	
1	**Thông tin truyền thông**				**215,000**	**1,075,000**	**1,075,000**	**0**	
1.1	Thông tin tuyên truyền ngành nông nghiệp trên đài phát thanh truyền hình, báo Bắc Giang.	Năm	1	50,000	50,000	250,000	250,000	0	
1.2	Xuất bản tài liệu khuyến nông	Cuốn	2,000	40	80,000	400,000	400,000	0	10 000 cuốn
1.3	Thông tin tuyên truyền trên Website: Khuyennongbacgiang.com	Năm	1	75,000	75,000	375,000	375,000	0	
1.4	Thông tin dự báo thời tiết khí tượng thủy văn	Năm	1	10,000	10,000	50,000	50,000	0	
2	**Tổ chức hội nghị, hội thảo, diễn đàn khuyến nông, tham quan học tập, tham gia hội chợ**				**440,000**	**2,200,000**	**2,200,000**	**0**	
2.1	Tổ chức hội nghị, hội thảo tại tỉnh (150 người/1 ngày)	Cuộc	2	50,000	100,000	500,000	500,000	0	10 cuộc, 1 500 người tham gia
2.2	Tổ chức hội nghị, hội thảo tại các huyện (100 người/1 ngày)	Cuộc	8	20,000	160,000	800,000	800,000	0	40 cuộc, 4 000 tham gia
2.3	Tham quan học tập	Cuộc	2	60,000	120,000	600,000	600,000	0	10 cuộc
2.4	Tham gia hội chợ, triển lãm nông nghiệp	Cuộc	1	60,000	60,000	300,000	300,000	0	5 cuộc
III	**Xây dựng mô hình**	**Mô hình**	**13**	**292,000**	**3,796,000**	**32,000,000**	**18,980,000**	**13,020,000**	65 mô hình
IV	**Kinh phí quản lý 5%**				**230,100**	**1,150,500**	**1,150,500**	**0**	Nghị quyết số 45/2020/NQ-HĐND ngày 9/12/2020
	Tổng cộng				**5,000,000**	**38,020,000**	**25,000,000**	**13,020,000**	